

Bản án số: 447/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Bà Lê Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 (có mặt); Địa chỉ: Căn hộ 4.3 Tầng 4-Block 1A, chung cư 1A-1B khu phức hợp Lacasa, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1970 (vắng mặt); Địa chỉ: Căn hộ 4.3 Tầng 4-Block 1A, chung cư 1A-1B khu phức hợp Lacasa, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị X tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số II/2001, do Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận Cần Thơ, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/11/2001. Do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh năm 2020, nên hai người sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay, bà X đã gửi đơn ly hôn ông D từ tháng 4 năm 2021 nhưng do dịch Covid-19 nên bà X rút đơn để xem xét lại cuộc sống hôn nhân, nhưng đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung nên bà X gửi đơn xin ly hôn ông D.

Về con chung: Ông D và bà X có 01 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 03/6/2004. Bà X yêu cầu ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà X cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Bà X không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà X khai không có.

Ông Nguyễn Tiến D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D đồng ý với lời trình bày của bà X về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nay bà X yêu cầu ly hôn, ông D không đồng ý ly hôn vì mong muốn được đoàn tụ, ông D cho rằng vợ chồng sống với nhau 20 năm, ông D không rõ nguyên nhân tại sao bà X muốn ly hôn. Trong cuộc sống chung, không một giây phút nào ông D không nghĩ đến vợ con. Ông D không làm gì trái với đạo lý, đạo đức, ông D không vô trách nhiệm cũng không vô tâm. Về kinh tế gia đình nếu bà X biết bằng lòng với cuộc sống thì sẽ rất ổn. Ông D và bà X có khoảng thời gian ly thân, ông D vẫn chăm sóc bà X một cách nhẹ nhàng, tinh tế, nhưng kết quả không tiến triển. Hiện tại vẫn ly thân. Ông D cho rằng ông yêu cuộc sống gia đình, yêu thương vợ con ông hơn cả bản thân.

Về con chung: Ông D xác nhận ông và bà X có 01 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 03/6/2004. Hiện nay, trẻ đang sống với ông D (trẻ bị bệnh mãn tính), đến nay trẻ đã đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Ông D không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Ông D khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có, con chung đã trưởng thành.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt tại phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp của vụ án: Bà Nguyễn Thị X gửi đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tiến D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông Nguyễn Tiến D có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số II/2001, do Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận Cần Thơ, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/11/2001, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Tiến D là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Bà X và ông D kết hôn năm 2001. Theo bà Nguyễn Thị X, mâu thuẫn phát sinh năm 2020, hai người sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay bà X không còn tình cảm với ông D, cuộc sống hôn nhân không như ý nên bà X yêu cầu ly hôn với ông D.

Việc ông D không đồng ý ly hôn với bà X vì cho rằng ông D vẫn còn tình cảm với bà X, nhưng ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nghĩa là ông D không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này.

Xét, bà Nguyễn Thị X và ông D sống với nhau từ năm 2001, năm 2020 bà X ông D xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hòa hợp, bà X đã gửi đơn ly hôn ông D sau đó rút đơn để xem xét lại cuộc sống hôn nhân nhưng mối quan hệ của hai người vẫn không hàn gắn được.

Theo văn bản trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân của ông D bà X của Ban chấp hành Hội Phụ nữ phường Phú Thuận, Quận 7 thì “hiện nay ông D đang có mặt tại địa phương, bà X không có mặt tại địa phương”.

Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà X, ông D không giống như lời trình bày của ông D, vì hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc bà Nguyễn Thị X yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 250, quyển số II/04 ngày 08/6/2004 được cấp bởi Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, có cơ sở để xác định bà X và ông D có 01 con chung tên là Nguyễn Đức M, sinh ngày 03/6/2004.

Xét, tại thời điểm Tòa án thụ lý đơn ly hôn của bà X và tại phiên hòa giải vụ án, trẻ Nguyễn Đức M chưa đủ tuổi trưởng thành, nên bà X yêu cầu ông D nuôi con và bà X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử, tháng 7 năm 2022 trẻ Nguyễn Đức M đã hơn 18 tuổi, cụ thể 18 tuổi 01 tháng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Bà X, ông D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Tiến D.

[1.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị X với ông Nguyễn Tiến D có một con chung là Nguyễn Đức M sinh ngày 03/6/2004, đến nay đã trưởng thành.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị X phải chịu. Bà Nguyễn Thị X đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013600 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.7;
- Chi cục THA dân sự Q.7;
- UBND P. An Thới, quận Cần Thơ thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân

